TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27-4-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tư**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Lành**

2. Bà **Nguyễn Dạ Thảo**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Kim Ni** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà **Nguyễn Ngọc Bích** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/02/2020 về việc: *tranh chấp xin ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh H, sinh năm 1997; Địa chỉ: 4101 Faith Rd # A Whichita Falls, Texas 76308, USA. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Chị Lê Thị Mỹ A, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số 3/9 ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn H trình bày:* Anh H và chị A là bạn học chung phổ thông với nhau, sau thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện Z, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 06/02/2018. Sau khi kết hôn anh H về Hoa Kỳ sinh sống, còn chị A ở lại Việt Nam, vợ chồng thường xuyên liên lạc quan mạng xã hội, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và liên lạc với nhau ít dần, từ tháng 3/2019 đến nay vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có đời sống chung vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H yêu cầu được ly hôn với chị A.

- Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không yêu cầu giải quyết.

**Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20/02/2020 chị Lê Thị Mỹ A trình bày*: Qua tìm hiểu thì chị A và anh H tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện Z cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 06/02/2018, đến đầu năm 2019 thì tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà cha mẹ của chị A tại ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long khoảng 02 tháng thì anh H về Hoa Kỳ, còn chị A ở lại Việt Nam làm thủ tục sang Hoa Kỳ để vợ chồng đoàn tụ, đến khoảng tháng 4/2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh H không quan tâm, chăm sóc vợ và anh H thừa nhận có mối quan hệ tình cảm với người chuyển giới tại Hoa Kỳ, từ đó anh H không về Việt Nam thăm chị A cho đến nay. Qua yêu cầu khởi kiện của anh H thì chị A không đồng ý ly hôn với anh H vì chị A còn thương chồng, muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu gì.

**Tại bản khai ý kiến ngày 27/4/2020 bị đơn Lê Thị Mỹ A trình bày: Chị A đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long trình bày:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn: đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Đối với bị đơn: đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H. Cho anh H được quyền ly hôn với chị Lê Thị Mỹ A. Về con chung, về tài sản chung: Anh H không yêu cầu nên không giải quyết. Anh H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị A là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại Điều 126 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn giữa công dân Việt Nam đang sinh sống tại Việt Nam với công dân Việt Nam đang sinh sống tại nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam.

Nguyên đơn H có đơn xin vắng mặt nên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Lê Thị Mỹ A có đơn xin vắng mặt nên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Anh H và chị A quen biết nhau từ thời học phổ thông, sau thời gian tìm hiểu, anh H và chị A tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện Z, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/02/2018. Sau khi kết hôn anh H trở về Hoa Kỳ sinh sống, còn chị A ở lại Việt Nam, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng ít liên lạc với nhau và không có đời sống chung vợ chồng, do đó anh H yêu cầu ly hôn với chị A. Chị A thì cho rằng nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do anh H không quan tâm, chăm sóc vợ, anh H có mối quan hệ tình cảm với người chuyển giới tại Hoa Kỳ.

Xét thấy anh H và chị A ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm nhau, không chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình, anh H, chị A thừa nhận vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn, chị A thừa nhận anh H có quan hệ tình cảm với người khác, xét anh H và chị A đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được qui định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc khác, chị A cũng đồng ý ly hôn với anh H nên có căn cứ cho anh H ly hôn với chị A là đúng qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Về tài sản chung và nợ chung, con chung: Không có yêu cầu, nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Anh H phải chịu án phí theo qui định pháp luật.

Lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; điểm a, khoản 2 Điều 227, Điều 469, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện xin ly hôn của anh H.

- Về hôn nhân: Cho anh H được ly hôn với chị Lê Thị Mỹ A.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên không xem xét.

- Về án phí: Buộc anh H nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) anh H đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0002582 ngày 14/01/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, anh H đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TANDCC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- CQTHADSTVL: 01;
- Đ/s: 02;
- UBND H. Z; 01;
- Lưu văn phòng: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 05.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tư